

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25/8/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
chung, nợ chung và nợ riêng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Hồng Nhung
2. Ông Lò Văn Quốc

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tiến Dũng -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 25/8/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2018/TLST- HNGĐ ngày 13/12/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 27/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST- HNGĐ, ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đoàn Hồng P.** Địa chỉ: Tiểu khu 4 (nay là tiểu khu 02), thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay : Số 040-042 đường M, phường P, thành phố L, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn : Ông **Nguyễn Tiến T** - Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ : Công ty Luật TNHH T - Phòng 102- D10, phố T, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Đức C.** Địa chỉ: Tiểu khu 4 (nay là tiểu khu 02), thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La. Chỗ ở hiện nay : Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập :**

1. Bà Quách Thị T. Địa chỉ Tiểu khu 21(nay là tiểu khu 09), thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Nguyễn Xuân T. Địa chỉ: Tiểu khu 4 (nay là tiểu khu 02), thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

3. Bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Tiểu khu 3(nay là tiểu khu 02), thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 11/12/2018 và lời khai bổ sung tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn chị Đoàn Hồng P trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị và anh Phạm Đức C đăng ký kết hôn với nhau từ năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh C chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được bảy năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống thường xuyên xảy ra cãi vã, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Hiện nay anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay chị Đoàn Hồng P xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh Phạm Đức C.

- **Về con chung:** Trong thời chung sống chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C có hai con chung, cháu Phạm Thảo N; sinh ngày 17/5/2010 và cháu Phạm Đức A, sinh ngày 04/12/2015. Nay ly hôn nguyện vọng của chị P là được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Thảo N và nhất trí để anh C được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Đức A cho đến khi các cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Trong thời gian chung sống chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C có nợ chung gồm: Nợ bà Giang Thị Thúy Đ. Địa chỉ: Tiểu khu 03, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 130.000.000đ; Nợ ông Nguyễn Xuân T. Địa chỉ: Tiểu khu 04, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 109.000.000đ; Nợ bà Nguyễn Thị Phương L. Địa chỉ: Tiểu khu 09, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 145.000.000đ; Nợ bà Phạm Thị Thu H. Địa chỉ: Bản C, xã P, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 230.000.000đ; Nợ bà Hoàng Thị H. Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 250.000.000đ; Nợ ông Hoàng Thái Đ. Địa chỉ: Bản N, xã B, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La với số tiền là: 100.000.000đ; Nợ bà Lê Thị L. Địa chỉ: Tiểu khu 03, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 220.000.000đ; Nợ bà Quách Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu 02, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 90.000.000đ; Nợ bà Phạm Thị H. Địa chỉ: Bản N xã B, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 120.000.000đ; Nợ bà Bùi Thị K. Địa chỉ: Tiểu khu 13, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 5.000.000đ; Nợ bà Đặng Thị O. Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 30.000.000đ; Nợ bà Nguyễn Thị L. Địa chỉ: Tiểu khu 03, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 193.000.000đ; Nợ chị Nguyễn Thanh H. Địa chỉ: Tiểu khu 15, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La với số tiền là: 28.000.000đ; Tổng cộng là: 1.650.000.000đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng). Nếu ly hôn chị P tự nguyện trả toàn bộ số nợ chung trên.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2018 anh Phạm Đức C khai xác nhận:

Về quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, về nợ chung đúng như chị Đoàn Hồng P khai.

Tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 27/12/2018, các đương sự đã thỏa thuận như sau:

* Về hôn nhân : Chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C nhất trí thuận tình ly hôn.

* Về con chung: Chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C nhất trí thỏa thuận giao cháu Phạm Thảo N; sinh ngày 17/5/2010 cho chị Đoàn Hồng P được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phạm Đức A, sinh ngày 04/12/2015 cho anh Phạm Đức C được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung: Không có.

* Về tài sản riêng: Không có.

* Về nợ chung: Đến ngày 25/4/2019 chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ chung như sau: Thanh toán cho bà Giang Thị Thúy Đạt số tiền là: 130.000.000đ; Thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T số tiền là: 109.000.000đ; Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương L số tiền là: 145.000.000đ; Thanh toán cho bà Phạm Thị Thu H số tiền là: 230.000.000đ; Thanh toán cho bà Hoàng Thị H số tiền là: 250.000.000đ; Thanh toán cho ông Hoàng Thái Đ số tiền là: 100.000.000đ; Thanh toán cho bà Lê Thị L số tiền là: 220.000.000đ; Thanh toán cho bà Quách Thị T số tiền là: 90.000.000đ; Thanh toán cho bà Phạm Thị H số tiền là: 120.000.000đ; Thanh toán cho bà Bùi Thị Khoa số tiền là: 5.000.000đ; Thanh toán cho bà Đặng Thị Osố tiền là: 30.000.000đ; Thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền là: 193.000.000đ; Thanh toán cho chị Nguyễn Thanh H số tiền là: 28.000.000đ;

Tổng cộng là: 1.650.000.000đ (Một tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng).

* Về án phí: Chị Đoàn Hồng P tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 150.000đ và án phí nghĩa vụ thanh toán nợ chung là: 8.220.000đ. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La là 28.000.000đ theo biên lai thu số: AA/2016/0001483, ngày 13/12/2018. Chị Đoàn Hồng P được hoàn lại 19.630.000đ.

Đến ngày 28/12/2018, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm : bà Giang Thị Thúy Đ, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị Phương L, bà Phạm Thị T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Thái Đ, bà Lê Thị L, bà Quách Thị T, bà Phạm Thị H, bà Bùi Thị K, bà Đặng Thị O, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thanh H có đơn đề nghị thay đổi ý kiến, không nhất trí với nội dung phiên hòa giải ngày 27/12/2018.

Ngày 3/4/2019 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án gồm : bà Giang Thị Thúy Đ, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị Phương L, bà Phạm Thị T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Thái Đ, bà Lê Thị L, bà Quách Thị T, bà Phạm Thị H, bà Bùi Thị K, bà Đặng Thị O, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thanh H có đơn

yêu cầu Tòa án tạm đình chỉ giải quyết vụ án để gửi đơn đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu giải quyết theo quy định của pháp luật, với lý do xét thấy hành vi của chị Đoàn Hồng P có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tại biên bản xác minh ngày 08/4/2019 tại cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu xác nhận ngày 5/4/2019 cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu có tiếp nhận đơn yêu cầu giải quyết việc chị Đoàn Hồng P có vay tiền nhưng không trả của 13 công dân: bà Giang Thị Thúy Đ, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị Phương L, bà Phạm Thị T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Thái Đ, bà Lê Thị L, bà Quách Thị T, bà Phạm Thị H, bà Bùi Thị K, bà Đặng Thị O, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thanh H.

Ngày 08/4/2019 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu đã ra quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án số: 08/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 13/12/2018.

Ngày 02/01/2020 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thuận Châu đã ra thông báo về việc không khởi tố vụ án số: 458/TB, ngày 02/01/2020.

Ngày 17/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu đã ra quyết định tiếp tục giải quyết vụ án số: 08/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 13/12/2018.

Ngày 26/02/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu đã ra thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập : bà Giang Thị Thúy Đ, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị Phương L, bà Phạm Thị T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Thái Đ, bà Lê Thị L, bà Quách Thị T, bà Phạm Thị H, bà Bùi Thị K, bà Đặng Thị O, bà Nguyễn Thị L, chị Nguyễn Thanh H.

Ngày 03/03/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu nhận biên lai thu tiền tạm ứng án phí của bà Quách Thị T, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị L. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập khác gồm : bà Giang Thị Thúy Đ, bà Nguyễn Thị Phương L, bà Phạm Thị T, bà Hoàng Thị H, ông Hoàng Thái Đ, bà Lê Thị L, bà Phạm Thị H, bà Bùi Thị K, bà Đặng Thị O, chị Nguyễn Thanh H đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo đã không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2018, ngày 03/03/2020, tại biên bản hòa giải 27/12/2018 và tại phiên tòa bà Quách Thị T khai nhận: Ngày 28/7/2015 bà có cho chị Đoàn Hồng P vay số tiền 60.000.000đ lãi suất 1,5%/tháng; Ngày 18/12/2015 bà cho vay thêm 20.000.000đ; Ngày 16/10/2015 bà cho vay thêm 10.000.000đ. Tổng cộng nợ gốc là 90.000.000đ. Nay chị P và anh C ly hôn bà yêu cầu chị P có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên và không tính lãi suất, bà không yêu cầu anh C phải trả vì là nợ riêng giữa bà và chị P.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2018, ngày 03/03/2020, tại biên bản hòa giải 27/12/2018 và tại phiên tòa ông Nguyễn Xuân T khai nhận: Ngày 19/03/2014 ông có cho chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C vay số tiền 40.000.000đ; Ngày 29/03/2014 ông cho chị Đoàn Hồng P vay số tiền 15.000.000đ; Ngày 01/11/2014 ông cho chị Đoàn Hồng P vay thêm số tiền 20.000.000đ; Ngày 29/5/2015 vay thêm

số tiền 15.000.000đ; Tổng cộng nợ gốc là 120.000.000đ. Chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C đã trả được số tiền 11.000.000đ. Nay chị P và anh C ly hôn ông yêu cầu đối với số tiền vay ngày 19/03/2014 là 40.000.000đ ông xác định đây là khoản tiền vay chung có chữ ký của chị P và anh C. Ông đề nghị chị Đoàn Hồng P trả 20.000.000đ không tính lãi và anh Phạm Đức C trả 20.000.000đ không tính lãi. Ông nhất trí để cho anh Phạm Đức C trả cho ông mỗi tháng số tiền 1.000.000đ. Thời điểm thanh toán từ tháng 9 năm 2020. Còn lại số tiền 69.000.000đ chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm trả toàn bộ và không tính lãi suất, ông không yêu cầu anh C phải trả vì là nợ riêng giữa ông và chị P.

Tại bản tự khai ngày 13/12/2018, ngày 03/03/2020, tại biên bản hòa giải 27/12/2018 và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị L khai nhận: Ngày 01/6/2015 bà có cho chị Đoàn Hồng P vay số tiền 170.000.000đ; Ngày 21/3/2015 bà cho vay thêm 30.000.000đ; Ngày 24/3/2015 bà cho vay thêm 15.000.000đ. Ngày 15/10/2016 bà cho vay thêm 30.000.000đ. Ngày 16/10/2016 bà cho vay thêm 20.000.000đ. Tổng cộng nợ gốc là 265.000.000đ. Chị Đoàn Hồng P đã trả được số tiền 72.000.000đ, cho đến nay chị P còn nợ gốc là 193.000.000đ. Nay chị P và anh C ly hôn bà yêu cầu chị P có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên và không tính lãi suất, bà không yêu cầu anh C phải trả vì là nợ riêng giữa bà và chị P.

* Tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Đức C không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

Về hôn nhân: Anh Phạm Đức C giữ nguyên yêu cầu, nhất trí thuận tình ly hôn với chị Đoàn Hồng P.

Về con chung: Anh Phạm Đức C đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Đức A, sinh ngày 04/12/2015 và nhất trí giao cháu Phạm Thảo N; sinh ngày 17/5/2010 cho chị Đoàn Hồng P được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

* *Về tài sản chung:* Không có.

* *Về tài sản riêng:* Không có.

**Về nợ chung:* Anh Phạm Đức C thừa nhận nợ chung vào ngày 19/3/2014 vay số tiền 40.000.000đ ông Nguyễn Xuân T có chữ ký của anh và chị P, anh nhất trí chia $\frac{1}{2}$ số nợ này và trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 20.000.000đ mỗi tháng trả số tiền 1.000.000đ tính từ tháng 9 năm 2020. Còn việc chị P tự đi vay tiền, sử dụng vào mục đích gì anh C không được biết, không được ký giấy vay nợ và anh C cũng không sử dụng số tiền của chị P vay của ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị L, bà Quách Thị T.

* Tại phiên tòa những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Quách Thị T, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị L không cung cấp tài liệu chứng cứ gì thêm, không yêu cầu Tòa án triệu tập thêm người làm chứng, người tham gia tố tụng khác.

- Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 18/8/2020 và ngày 22/8/2020 của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến Trung có đề nghị :

* *Về con chung*: Đề nghị giao cả hai cháu và cháu Phạm Thảo N; sinh ngày 17/5/2010 và cháu Phạm Đức A, sinh ngày 04/12/2015 cho chị Đoàn Hồng P được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, việc cấp dưỡng nuôi con theo khả năng thực tế và sự tự nguyện của bị đơn.

* *Về nợ chung*: Giữ nguyên ý kiến về việc rút toàn bộ quan điểm liên quan đến việc tự nguyện trả khoản nợ 1.650.000.000đ theo biên bản hòa giải ngày 27/12/2018. Đề nghị Hội đồng xét xử phân chia khoản nợ chung để xác định nghĩa vụ trả nợ của mỗi bên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho viện kiểm sát và tổng đạt tương đối đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa : Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Phạm Thảo N cho chị Đoàn Hồng P được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục đến khi trưởng thành. Giao cháu Phạm Đức A cho anh Phạm Đức C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung: Không có và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng : Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự đề nghị chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm phải thanh toán khoản nợ cho bà Quách Thị T số tiền là: 90.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Thanh toán cho bà Nguyễn Thị L số tiền là: 193.000.000đ không yêu cầu tính lãi.

Đề nghị chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm phải thanh toán khoản nợ cho ông Nguyễn Xuân T số tiền là: 89.000.000đ trong đó 69.000.000đ là nợ riêng, 20.000.000đ là nợ chung. Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của ông Nguyễn Xuân T và anh Phạm Đức C. Anh C có trách nhiệm thanh toán số tiền 20.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Ông Nguyễn Xuân T nhất trí để cho anh Phạm Đức C trả cho ông mỗi tháng số tiền 1.000.000đ. Thời điểm thanh toán từ tháng 9 năm 2020.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc chị Đoàn Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và buộc nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí về việc chia nợ chung.

** Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm:* Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết :* Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn chị Đoàn Hồng P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Nguyên đơn chị Đoàn Hồng P , người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Tiến T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 76; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C đăng ký kết hôn với nhau từ ngày 22/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được bảo vệ. Tuy nhiên trong quá trình chung sống anh chị luôn bất đồng trong quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã do tính tình không hợp nhau, hiện nay anh, chị đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị Đoàn Hồng P xin ly hôn, anh Phạm Đức C nhất trí thuận tình ly hôn. Nay xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa anh chị tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị P có đơn yêu

cầu xin ly hôn với anh C và chị P giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh C, anh C nhất trí ly hôn, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị P ly hôn với anh C.

[3]. Về con chung : Trong thời chung sống anh, chị có hai con chung cháu Phạm Thảo N; sinh ngày 17/5/2010 và cháu Phạm Đức A, sinh ngày 04/12/2015. Tại các bản tự khai và tại phiên hòa giải nhất trí thỏa thuận giao cháu Phạm Thảo N; sinh ngày 17/5/2010 cho chị Đoàn Hồng P được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục; giao cháu Phạm Đức A, sinh ngày 04/12/2015 cho anh Phạm Đức C được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong đơn đề nghị xét xử vắng mặt của nguyên đơn, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyện vọng của chị P là được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến khi cháu trưởng thành, việc cấp dưỡng nuôi con theo khả năng thực tế và sự tự nguyện của bị đơn. Nguyện vọng của anh C là được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Đức A và nhất trí để chị P được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cháu Phạm Thảo N cho đến khi các cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Trong đơn nguyện vọng ngày 25/12/2018 của cháu Phạm Thảo N nếu bố, mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu là được ở với mẹ. Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, đảm bảo quyền lợi của con chưa thành niên. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Phạm Thảo N; sinh ngày 17/5/2010 cho chị Đoàn Hồng P để chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là hợp tình, hợp lý để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý và hiện nay cháu Phạm Thảo N đang ở với chị P. Giao cháu Phạm Đức A, sinh ngày 04/12/2015 cho anh Phạm Đức C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục bởi hiện nay cháu Phạm Đức A đang ở với anh C. Chị Đoàn Hồng P không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung, chị chỉ yêu cầu anh C cấp dưỡng theo khả năng thực tế và sự tự nguyện của anh C, sau khi ly hôn anh, chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Không có.

[5]. Về nợ chung, nợ riêng : Trong quá trình giải quyết vụ án tại các bản tự khai, tại phiên hòa giải chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C thừa nhận có nợ chung là: 1.650.000.000đ. Giữa chị Đoàn Hồng P và anh Phạm Đức C đã không thống nhất về khoản nợ chung. Chị P giữ nguyên ý kiến về việc rút toàn bộ quan điểm liên quan đến việc tự nguyện trả khoản nợ 1.650.000.000đ theo biên bản hòa giải thành ngày 27/12/2018. Toàn bộ khoản nợ chị P cho rằng anh C đã sử dụng vào việc ăn chơi, bài bạc, không phục vụ mục đích vun đắp cuộc sống gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử phân chia các khoản nợ chung để xác định nghĩa vụ trả nợ của mỗi

bên theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa anh C không thừa nhận khoản nợ 1.650.000.000đ theo biên bản hòa giải thành ngày 27/12/2018 là khoản nợ chung, anh không được ký giấy vay tiền, anh chỉ thừa nhận giữa anh và chị P nợ ông Nguyễn Xuân T số tiền 40.000.000đ, anh nhất trí chia $\frac{1}{2}$ số nợ này và trả cho ông Nguyễn Xuân T số tiền 20.000.000đ mỗi tháng trả số tiền 1.000.000đ tính từ tháng 9 năm 2020.

Hội đồng xét xử nhận định : Ngày 11/01/2020 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí kiện đòi nợ tuy nhiên hết thời hạn những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập : bà Giang Thị Thúy Đạt, bà Nguyễn Thị Phương Lan, bà Phạm Thị Thu Hà, bà Hoàng Thị Hoàn, ông Hoàng Thái Đô, bà Lê Thị Lâm, bà Phạm Thị Hồng, bà Bùi Thị Khoa, bà Đặng Thị Oanh, chị Nguyễn Thanh Huyền không nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án. Vì vậy Hội đồng xét xử xét thấy không xem xét đến yêu cầu kiện đòi nợ vận dụng Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu phản tố theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập của bà Quách Thị T, ông Nguyễn Xuân T, bà Nguyễn Thị L.

Xét yêu cầu của bà Quách Thị T thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa bà và chị Đoàn Hồng P có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại các tờ giấy vay tiền do chị P đã viết và ký tên vào các giấy vay tiền : Ngày 28/7/2015 bà có cho chị Đoàn Hồng P vay số tiền 60.000.000đ; Ngày 18/12/2015 bà cho vay thêm 20.000.000đ; Ngày 16/10/2015 bà cho vay thêm 10.000.000đ. Tổng cộng nợ gốc là 90.000.000đ. Nội dung của giấy vay tiền nêu trên phù hợp với nội dung tại bản tự khai, tại phiên hòa giải, chị P đều thừa nhận có làm giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ như bà khai. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Quách Thị T là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị L thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa bà và chị Đoàn Hồng P có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại giấy vay tiền do bà đã viết và chị P ký tên vào giấy vay tiền : Ngày 01/6/2015 bà có cho chị Đoàn Hồng P vay số tiền 170.000.000đ; Ngày 21/3/2015 bà cho vay thêm 30.000.000đ; Ngày 24/3/2015 bà cho vay thêm 15.000.000đ. Ngày 15/10/2016 bà cho vay thêm 30.000.000đ. Ngày 16/10/2016 bà cho vay thêm 20.000.000đ. Tổng cộng nợ gốc là 265.000.000đ. Chị Đoàn Hồng P đã trả được số tiền 72.000.000đ, cho đến nay chị P còn nợ gốc là 193.000.000đ. Nội dung của giấy vay tiền nêu trên phù hợp với nội dung tại bản tự khai, tại phiên hòa giải, chị P đều thừa nhận có ký giấy vay tiền, thỏa thuận thời hạn trả nợ như bà khai. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Nguyễn Thị L là có căn cứ đúng pháp luật.

Xét yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T thì thấy rằng: Việc vay tiền giữa ông và chị Đoàn Hồng P, anh Phạm Đức C có xảy ra trên thực tế, thể hiện tại giấy vay tiền ngày 19/03/2014 do chị P đã viết và chị P , anh C cùng ký tên vào giấy vay tiền.

Ông xác định đây là khoản tiền vay chung có chữ ký của chị P và anh C. Ông đề nghị chị Đoàn Hồng P trả 20.000.000đ không tính lãi và anh Phạm Đức C trả 20.000.000đ không tính lãi. Ông nhất trí để cho anh Phạm Đức C trả cho ông mỗi tháng số tiền 1.000.000đ. Thời điểm thanh toán từ tháng 9 năm 2020. Còn lại số tiền 69.000.000đ chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm trả toàn bộ và không tính lãi suất, ông không yêu cầu anh C phải trả vì là nợ riêng giữa ông và chị P. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của ông Nguyễn Xuân T là có căn cứ đúng pháp luật.

Tại phiên tòa anh C không thừa nhận việc vay nợ chung chỉ có chị P đứng ra vay, không liên quan gì đến anh C, anh C cũng không được ký giấy vay tiền. Vì vậy đề nghị chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ cho bà Quách Thị T số tiền là: 90.000.000đ, ông Nguyễn Xuân T số tiền là: 89.000.000đ, bà Nguyễn Thị L số tiền là: 193.000.000đ.

Hội đồng xét xử nhận định đối với khoản vay nợ ông Nguyễn Xuân T : Tại giấy vay tiền ngày 19/03/2014 do chị P đã viết và chị P , anh C cùng ký tên vào giấy vay tiền, có chữ ký của chị P và anh C, đây là khoản nợ chung của chị P, anh C phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Buộc chị P và anh C có trách nhiệm thanh toán nợ chung theo quy định tại Điều 463, Điều 466 BLDS.

Chị P không chứng minh được các khoản nợ đã vay trong thời kỳ hôn nhân là khoản nợ chung của vợ chồng trong khi anh C không thừa nhận, việc chị P vay nợ không được sự đồng ý của anh C, không thể hiện ở việc anh C ký vào các tờ giấy vay tiền do đó không phù hợp theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử nhận định đây là khoản nợ riêng của chị P do vậy chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số nợ riêng cho bà Quách Thị T số tiền là: 90.000.000đ, ông Nguyễn Xuân T số tiền là: 89.000.000đ, bà Nguyễn Thị L số tiền là: 193.000.000đ thuộc vào trường hợp theo quy định tại Điều 45 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466 BLDS.

[6]. Về án phí : Chị Đoàn Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, án phí nghĩa vụ về nợ chung, nợ riêng. Anh Phạm Đức C phải chịu án phí nghĩa vụ về nợ chung theo Điều 147 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Về quyền kháng cáo : Các đương sự được kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37, Điều 45, Điều 51, Điều 56, Điều 81,

Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; khoản 6 Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân : Xử cho chị Đoàn Hồng P được ly hôn với anh Phạm Đức C.

2. Về con chung: Xử giao cháu Phạm Thảo N; sinh ngày 17/5/2010 cho chị Đoàn Hồng P được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành. Giao cháu Phạm Đức A, sinh ngày 04/12/2015 cho anh Phạm Đức C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh , chị có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về nợ chung:

Tuyên xử chị Đoàn Hồng P, anh Phạm Đức C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc cho ông Nguyễn Xuân T với số tiền là: 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng); Chia theo phần cụ thể như sau : Chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc cho ông Nguyễn Xuân T với số tiền là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Anh Phạm Đức C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc cho ông Nguyễn Xuân T với số tiền là: 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng). Anh Phạm Đức C có trách nhiệm thanh toán mỗi 01 tháng là 1.000.000đ (một triệu đồng). Thời điểm thanh toán từ tháng 9 năm 2020.

4. Về nợ riêng:

Tuyên xử chị Đoàn Hồng P có trách nhiệm thanh toán khoản nợ gốc:

- Thanh toán cho ông Nguyễn Xuân T với số tiền gốc là: 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng);

- Thanh toán cho bà Quách Thị T với số tiền gốc là: 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng);

- Thanh toán cho bà Nguyễn Thị L với số tiền gốc là: 193.000.000đ (một trăm chín mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất của các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

6. Về án phí:

Chị Đoàn Hồng P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án xin ly hôn là 300.000^d (ba trăm nghìn đồng), án phí nghĩa vụ về nợ chung là 1.000.000^d (một

triệu đồng) và án phí nghĩa vụ về nợ riêng là 17.600.000^d (mười bảy triệu sáu trăm nghìn đồng). Tổng cộng chi Đoàn Hồng P phải chịu án phí là: 18.900.000^d (mười tám triệu chín trăm nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 28.000.000^d (hai mươi tám triệu đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số AA/2016/0001483 ngày 13/12/2018. Chi Đoàn Hồng P được hoàn lại số tiền 9.100.000đ (chín triệu một trăm nghìn đồng).

Anh Phạm Đức C phải chịu án phí nghĩa vụ về nợ chung là 1.000.000^d (một triệu đồng).

Hoàn trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Quách Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.250.000^d (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số AA/2016/0004289 ngày 03/3/2020.

Hoàn trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Nguyễn Xuân T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.725.000^d (hai triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số AA/2016/0004290 ngày 03/3/2020.

Hoàn trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.825.000^d (bốn triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số AA/2016/0004288 ngày 03/3/2020.

7. Về quyền kháng cáo : Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chi Đoàn Hồng P được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã B, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

